TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 5 - 2024
V/v: Chị Đỗ Thị G xin ly hôn anh Trần Xuân Q

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Kỳ.

Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiên Nhẫn, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đỗ Thị G**, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Anh **Trần Xuân Q**, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn N, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị G trình bày***:

Chị và anh Trần Xuân Q tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị về sống cùng bố mẹ đẻ anh Q tại thôn N, xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do anh Q không chịu đi làm, chơi bời cờ bạc, lô đề, vay nợ nhiều, chị và bố mẹ anh Q phải đi trả nợ thay. Khi biết anh Q chơi cờ bạc, chị và gia đình đã góp ý, khuyên bảo anh Q nhiều lần nhưng anh Q không nghe, vợ chồng liên tục xảy ra cãi vã. Tháng 12 năm 2021, do mâu thuẫn căng thẳng, chị đưa con B về sống tại nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn Đ, xã T, huyện TT, tỉnh Thái Bình. Thời gian đầu, anh Q có đi tìm nhưng chị không về, sau không đi tìm nữa. Chị và anh Q đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ từ đó đến nay. Nay chị xác định chị không còn tình cảm với anh Q, anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mâu thuẫn giữa anh chị xảy ra đã lâu và không thể hàn gắn, do đó, chị xin ly hôn anh Q để chị ổn định tư tưởng, ổn định cuộc sống.

Chị và anh Trần Xuân Q có hai con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021. Hiện con Đ ở cùng anh Q và ông bà nội, con B ở cùng chị. Ly hôn, để các con ổn định cuộc sống, chị đề nghị Toà án giao anh Q nuôi dưỡng con Đ, giao chị nuôi dưỡng con B, chị và anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị hiện làm công nhân, thu nhập khoảng 07 triệu đồng/01 tháng. Anh Q làm lao động tự do, thu nhập bình quân của anh Q, chị không biết.

Chị và anh Trần Xuân Q không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản chung.

Trước khi nộp đơn ly hôn, chị đã nói chuyện qua điện thoại với anh Trần Xuân Q, anh Q nói đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án, do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo trình tự vắng mặt anh Q. Về phía chị, do ở xa, công việc bận, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

**** Đối với bị đơn anh Trần Xuân Q***:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh Trần Xuân Q, gia đình anh Q đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, không có lời khai tại Tòa án và không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 16 tháng 4 năm 2024, cháu Trần Anh Đ trình bày:***

Bố đẻ cháu là Trần Xuân Q. Mẹ đẻ cháu là Đỗ Thị G. Hiện cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Nếu Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng cháu xin được ở cùng bố.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 06 tháng 3 năm 2024, bà Đỗ Thị Kim N (mẹ đẻ chị G) trình bày:***

Chị G, anh Q đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Về mâu thuẫn giữa anh chị, theo bà được biết xảy ra từ năm 2017 do anh Q chơi cờ bạc dẫn đến vay nợ nhiều, chị G và bố mẹ anh Q phải đi trả nợ thay. Việc anh Q chơi cờ bạc, bà đã góp ý, khuyên bảo nhưng anh Q không nghe. Tháng 12 năm 2021, chị G đưa con B về ở cùng gia đình bà từ đó đến nay. Nay chị G xin ly hôn anh Q, bà đề nghị Tòa án chấp nhận, cho anh chị ly hôn để chị G ổn định cuộc sống.

Chị G, anh Q có hai con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015, hiện ở cùng anh Q và Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021, hiện ở cùng chị G. Nếu anh chị ly hôn, để các cháu ổn định cuộc sống, bà đề nghị Tòa án giao anh Q nuôi dưỡng con Đ, giao chị G nuôi dưỡng con B. Về cấp dưỡng cho con, tùy anh chị quyết định, bà không can thiệp. Việc chị G, anh Q nuôi con đều có sự quan tâm, hỗ trợ về thời gian, kinh tế của cả hai gia đình.

Về tài sản chung của chị G, anh Q, theo bà là không có. Anh chị không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến bà và gia đình bà.

**** Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 16 tháng 4 năm 2024, ông Trần Xuân L (bố đẻ anh Q) trình bày:***

Anh Q, chị G đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị về sống cùng gia đình ông. Năm 2021, anh chị xảy ra mâu thuẫn do anh Q chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị G đã đưa con B về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị G xin ly hôn anh Q, ông thấy anh chị tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Q, chị G có hai con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021. Hiện con Đ ở cùng anh Q và gia đình ông, con B ở cùng chị G. Nếu anh chị ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao anh Q nuôi con Đ, giao chị G nuôi con B. Anh Q hiện làm lao động tự do, hàng tháng anh Q vẫn gửi tiền cho ông bà để chi phí nuôi con Đ. Việc anh Q nuôi con còn có sự hỗ trợ của gia đình ông trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu.

Về tài sản chung của anh Q, chị G do anh chị giải quyết, ông không can thiệp. Anh Q, chị G không có nghĩa vụ chung về tài sản liên quan đến ông và gia đình ông.

Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh Q, gia đình đều đã nhận được và đều đã thông báo lại cho anh Q nhưng anh Q nói sẽ không đến Tòa án.

**** Tại biên bản xác minh ngày 16 tháng 4 năm 2024, đại diện thôn N, đại diện Ủy ban nhân dân xã VT và đại diện Công an xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, cung cấp:***

Anh Q đăng ký thường trú tại xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Anh Q, chị G đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 5 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau kết hôn, anh chị ở cùng gia đình anh Q tại địa phương. Đầu năm 2021, anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh Q chơi cờ bạc. Từ cuối năm 2021 đến nay, chị G về ở tại nhà bố mẹ đẻ ở huyện TT, tỉnh Thái Bình, không sinh sống tại địa phương. Nay chị G xin ly hôn anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh Q, chị G có hai con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015 và Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021. Con Đ hiện ở cùng anh

Q và ông bà nội, con B ở cùng chị G. Nếu anh chị ly hôn, về nuôi con chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Anh Q, chị G không có nghĩa vụ về tài sản liên quan đến các tổ chức tín dụng và đoàn thể tại địa phương.

* ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 24, 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội: Xử cho chị G được ly hôn anh Q. Giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng con B, giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Đ. Chị G và anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Không đặt ra giải quyết về tài sản. Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Chị Đỗ Thị G khởi kiện xin ly hôn anh Trần Xuân Q, anh Q có nơi thường trú tại xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Xuân Q nhưng anh Q không đến Tòa án, không giao nộp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã yêu cầu. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Q.

[1.3] Ngày 03 tháng 5 năm 2024, chị Đỗ Thị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh Trần Xuân Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị G, anh Q.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số 01, ngày 12 tháng 5 năm 2015, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Về nguyên nhân chính, theo chị G là do anh Q chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, chị và gia đình phải đi trả nợ thay, về phía gia đình đã phân tích, góp ý nhưng anh Q không thay đổi và từ cuối năm 2021 đến nay chị và anh Q sống ly thân, mỗi người một nơi, chấm dứt mọi quan hệ. Xét thấy, lời khai của chị G về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phù hợp tài liệu, chứng cứ Tòa án đã xác minh, thu thập đối với đại diện gia đình anh Q, đại diện gia đình chị G và đại diện chính quyền địa phương nơi anh chị đã cư trú. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện anh Q không có thiện chí hòa giải, không mong muốn đoàn tụ, hàn gắn hạnh phúc gia đình. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị G, anh Q là có, đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn anh Q.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q có hai con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015, hiện ở cùng anh Q và Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021, hiện ở cùng chị G. Xét thấy: Chị

G, anh Q đều có công việc, có thu nhập, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con, do đó, anh chị đều đủ điều kiện nuôi con. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, việc học tập và đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của chị G, xử giao cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng con B, giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con Đ, chị G và anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con Đ.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị Đỗ Thị G trình bày chị và anh Trần Xuân Q không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Trần Xuân Q không có lời khai về tài sản tại Tòa án. Do vậy, về chia tài sản chung của anh chị không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[2.4] Về án phí: Chị Đỗ Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Đỗ Thị G trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Đỗ Gia B, sinh ngày 03 tháng 9 năm 2021. Giao cho anh Trần Xuân Q trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Anh Đ, sinh ngày 23 tháng 11 năm 2015. Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

2.2. Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp tạm ứng tại Biên lai số 0001602 đề ngày 06 tháng 3 năm 2024 tại Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang án phí. Chị G đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị G và anh Trần Xuân Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã VT, huyện V, tỉnh Thái Bình (CNKH số 35, quyển số 01, ngày 12/5/2015);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.